TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 5** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1560/2025/DS-ST
Ngày: 13 - 11 - 2025
V/v tranh chấp về hợp đồng
cho thuê tài chính

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 5 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Huỳnh Linh Phượng

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Hoàng Tú

2. Bà Lâm Thị Hoàng Oanh

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Thủy, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Giang - Kiểm sát viên

Ngày 13 tháng 11 năm 2025, tại Phòng xử án của Tòa án nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 2350/2024/TLST-DS ngày 22 tháng 11 năm 2024, tranh chấp về hợp đồng cho thuê tài chính, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 476/2025/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 10 năm 2025, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn là A; địa chỉ: TĐT , phường SG (trước đây là phường BN, Quận I), Thành phố Hồ Chí Minh; *Người đại diện hợp pháp* là bà E, đại diện theo ủy quyền (Văn bản số 926.2024/GUQ-COL ngày 18/11/2024), (có mặt);

2. Bị đơn là ông B, sinh năm 1990, căn cước công dân: 079090021291; địa chỉ: 128/78C đường ĐT, phường GĐ (trước đây là Phường I, quận BT), Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt);

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà M, sinh năm 1993, căn cước công dân: 075193000123; địa chỉ: ĐT, phường GĐ (trước đây là Phường I, quận BT), Thành phố Hồ Chí Minh, (vắng mặt);

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 05 tháng 6 năm 2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày và yêu cầu: Ngày 14/12/2022 ông B đã ký kết hợp đồng cho thuê tài chính số I21201001-PC để thuê ô tô con hiệu: MG, số loại: MG5 1.5L LUX, biển số:

50LD -203.28. Thời hạn thuê là 72 tháng kể từ ngày 27/12/2022 đến ngày 25/12/2028, lãi suất thuê là lãi suất thả nổi tính theo lãi suất tiêu chuẩn VND của CILC cộng biên độ hợp đồng là 8.22%, tạm tính tại ngày bắt đầu thuê là 16%.

Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của ông B, A (viết tắt Công ty Chailease) chấp nhận Thư bảo lãnh cá nhân của bà M ngày 14/12/2022 và cùng ngày Công ty Chailease đã ký hợp đồng mua bán số I21201001-PC với Công ty Cổ phần MG Sài Gòn để mua tài sản trên và cho ông B thuê lại tài sản này. Ông B đã ký biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản thuê vào ngày 27/12/2022. Tổng giá mua tài sản là 645.900.000 đồng, ông B trả trước 32.340.000 đồng. Hàng tháng ông B phải thanh toán một phần vốn gốc và khoản tiền lãi được tính trên dư nợ giảm dần cho đến khi trả đủ số tiền vốn gốc mà Công ty Chailease đã tài trợ cùng các khoản lãi theo hợp đồng thuê.

Qúa trình thực hiện hợp đồng thuê, ông B thường xuyên thanh toán không đúng hạn, mặc dù Công ty Chailease đã nhiều lần liên lạc cũng như làm việc trực tiếp với ông B.

Ngày 26/10/2023 Công ty Chailease đã phát hành thông báo chấm dứt hợp đồng và thu hồi tài sản thuê số: 02.2023/TB-TTA, phía ông B đã giao trả tài sản thuê. Ngày 22/3/2024 Công ty đã tiến hành thanh lý tài sản thuê với giá 390.000.000 đồng (giá đã bao gồm VAT) và dùng số tiền ký cược bảo đảm để cấn trừ nợ gốc. Tuy nhiên, số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thuê không đủ để thanh toán số tiền còn nợ. Do vậy, Công ty Chailease yêu cầu ông B phải thanh toán số tiền thuê còn thiếu tính đến ngày 13 tháng 11 năm 2025 là 315.987.014 đồng, trong đó nợ gốc: 98.925.276 đồng, nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày 30/10/2023 là: 217.061.738 đồng (Nợ lãi quá hạn từ ngày 31/10/2023 đến ngày 13/11/2025 là: 0 đồng).

Ngoài ra, ông B còn phải thanh toán tiền lãi phát sinh từ ngày 14/11/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong các hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp ông B không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên thì người bảo lãnh là bà M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Chailease cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

Bị đơn là là ông B và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là bà M đã được Tòa án thực hiện thủ tục tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo về thời gian Tòa án mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, xét xử nhưng vẫn không có mặt tại Tòa án để đưa ra ý kiến và nộp các tài liệu, chứng cứ để Tòa án xem xét.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu:

1. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán: Thẩm phán xác định đúng quan hệ tranh chấp, đúng thẩm quyền giải quyết của Tòa án, xác định vụ kiện thuộc trường hợp Viện kiểm sát tham gia phiên tòa.

2. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng dân sự; Bị đơn chưa thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo đúng quy định tại Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng dân sự; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không thực hiện đúng các quy định tại các điều 70, 73 Bộ luật Tố tụng dân sự; Đối với những người tham gia tố tụng khác: Người đại diện theo ủy quyền đã thực hiện đúng các quy định tại các điều 85,86 và Điều 234 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

3. Về việc giải quyết vụ án dân sự: Căn cứ Điều 117, Điều 118, Điều 119, điểm b khoản 1 Điều 688 Bộ luật dân sự năm 2015, Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng năm 2010, Điều 13 Thông tư 39/2016/TT-NHNN ngày 15/3/2017 của Ngân hàng Nhà nước, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn A, buộc bị đơn ông B phải trả số tiền thuê còn nợ (tạm tính đến ngày 13/11/2025) là 315.987.014 đồng, trong đó bao gồm: Nợ gốc: 98.925.276 đồng, nợ lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày 30/10/2023 là: 217.061.738 đồng; Nợ lãi quá hạn từ ngày 31/10/2023 đến ngày 13/11/2025 là: 0 đồng.

Buộc ông B thanh toán cho A tiền lãi chậm trả phát sinh từ ngày 14/11/2025 tính trên nợ gốc với mức lãi suất quá hạn thỏa thuận trong hợp đồng cho thuê tài chính cho đến khi thanh toán xong nợ gốc.

Trường hợp ông B không thanh toán số tiền còn nợ cho công ty thì bà M có nghĩa vụ thanh toán cho A cho đến khi thanh toán số tiền thuê còn nợ theo Thư bảo lãnh ngày 14/12/2022.

4. Về án phí sơ thẩm: Bị đơn phải chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về thủ tục tố tụng*: Bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không vì sự kiện bất khả kháng. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227; Khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án theo quy định pháp luật.

[2] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:*

Quan hệ tranh chấp trong vụ án là tranh chấp về hợp đồng cho thuê tài chính. Căn cứ khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự, đây là loại vụ việc thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3] *Về yêu cầu của đương sự:*

[3.1] *Về số nợ gốc*: Căn cứ hợp đồng cho thuê tài chính số I21201001 ngày 14/12/2022 và phụ lục số 01 ngày 14/12/2022, biên bản bàn giao và nghiệm thu tài sản ngày 14/12/2022 giữa Công ty Cổ phần MG Sài Gòn và ông B có cơ sở xác định ông B đã thuê tài chính đối với tài sản là ô tô con hiệu: MG, số loại: MG5 1.5L LUX, biển số: 50LD -203.28 và đã nhận toàn bộ số tài sản nêu trên. Thực hiện hợp đồng, ông B không thanh toán tiền thuê từ ngày 11/10/2023, nên ngày 26/10/ 2023 Công ty Chailease thông báo chấm dứt hợp đồng thuê và thu hồi tài sản thuê, tổng số tiền nợ gốc ông B còn thiếu là 98.925.276 đồng. Trong quá trình giải quyết vụ kiện tại Tòa án, ông B không có mặt để trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của Công ty Chailease, cũng như không có bất kỳ tài liệu chứng cứ nào nộp cho Tòa án. Vì vậy, Công ty Chailease yêu cầu ông B phải trả số tiền nợ gốc là 98.925.276 đồng là có cơ sở, phù hợp với thỏa thuận của các bên tại Điều 6 của hợp đồng cho thuê tài chính, khoản 4 Điều 20 Nghị định số 39/2014/NĐ -CP ngày 07/5/ 2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính.

[3.2] *Về tiền lãi*: Xét tại hợp đồng cho thuê tài chính, các bên đều thỏa thuận về thời hạn thuê, lãi suất thuê, tiền lãi quá hạn mà ông B phải trả. Do ông B vi phạm nghĩa vụ thanh toán và thời hạn thanh toán, nên Công ty Chailease đã chấm dứt hợp đồng thuê vào ngày 26/10/2023 và yêu cầu ông B phải trả tiền lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày 30/10/2023 tổng cộng là 217.061.738 đồng, là phù hợp với quy định tại Điều 6 của hợp đồng cho thuê tài chính và khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng nên được chấp nhận.

Ông B còn phải tiếp tục trả lãi theo lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho thuê tài chính số I21201001 ngày 14/12/ 2022 và phụ lục số 01 ngày 14/12/2022 tương ứng với số tiền nợ gốc cho đến khi trả hết số nợ nêu trên.

[3.3] *Về nghĩa vụ bảo lãnh của bà M:* Để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán tiền thuê của ông B, Công ty Chailease đã đồng ý thư bảo lãnh thanh toán của bà M vào ngày 14/12/2022. Tại thư bảo lãnh cá nhân nêu trên thể hiện: "… Bên bảo lãnh đồng ý rằng, trong trường hợp bên thuê không thể thực hiện được bất kỳ nghĩa vụ thanh toán nào theo hợp đồng thuê vì bất cứ lý do gì, bên bảo lãnh phải thực hiện (các) nghĩa vụ này theo yêu cầu lần đầu bằng văn bản của bên cho thuê mà bên cho thuê không cần phải thu hồi và xử lý tài sản thuê theo hợp đồng thuê và cũng không phải xuất trình bất kỳ một tài liệu hoặc bằng chứng nào cho bên bảo lãnh…". Ngày 10/11/2023, Công ty Chailease đã gửi thư yêu cầu thanh toán đối với bà M, tuy nhiên bà M vẫn chưa thực hiện nghĩa vụ thanh toán. Vì vậy, trong trường hợp ông B không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên, thì người bảo lãnh là bà M có trách nhiệm thanh toán cho Công ty Chailease số tiền mà ông B còn thiếu là phù hợp quy định tại Điều 335, Điều 336, Điều 338, Điều 342 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[4] *Về án phí:*

Bị đơn phải chịu án dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, cụ thể: 315.987.014 đồng x 5% = 15.799.350 đồng

Nguyên đơn không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 91 Luật Các tổ chức tín dụng 210; khoản 4 Điều 20 Nghị định số 39/2014/NĐ -CP ngày 07/5/2014 của Chính phủ về tổ chức và hoạt động của công ty tài chính và công ty cho thuê tài chính; các điều 335, 336, 338, 342 Bộ luật dân sự 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; các điều 6, 7, 9, 30 của Luật Thi hành án dân sự; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là A.

1.1. Buộc ông B phải trả số tiền thuê còn thiếu tính đến ngày 13/11/2025 là: 315.987.014 (ba trăm mười lăm triệu, chín trăm tám mươi bảy ngàn, không trăm mười bốn) đồng, gồm: nợ gốc là: 98.925.276 đồng, tiền lãi trong hạn và các khoản phải thu khác tính đến ngày 30/10/2023 là: 217.061.738 đồng, theo hợp đồng cho thuê tài chính số I21201001 ngày 14/12/2022 và phụ lục số 01 ngày 14/12/2022 làm một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

1.2. Trường hợp ông B không thanh toán đầy đủ khoản tiền nêu trên, thì người bảo lãnh là bà M có trách nhiệm thanh toán cho A cho đến khi thanh toán hết toàn bộ số tiền thuê còn nợ.

1.3. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất thỏa thuận tại hợp đồng cho thuê tài chính số I21201001 ngày 14/12 /2022 và phụ lục số 01 ngày 14/12/2022, tương ứng với số tiền nợ gốc cho đến khi trả hết số nợ nêu trên.

2. *Về án phí dân sự sơ thẩm*: Ông B phải nộp số tiền: 15.799.350 (mười lăm triệu, bảy trăm chín mươi chín ngàn, ba trăm năm mươi) đồng;

A không phải chịu án phí sơ thẩm, được hoàn lại số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 8.203.000 (tám triệu, hai trăm lẻ ba ngàn) đồng, theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0054213 ngày 20/11/ 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Bình Thạnh, Thành phố Hồ Chí Minh nay là Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 5 -Thành phố Hồ Chí Minh

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. *Quyền kháng cáo*: Đương sự có mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, được bổ sung theo Luật sửa đổi, bổ sung Luật Thi hành án dân sự năm 2014, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự và Điều 7a, 7b Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Thi hành án dân sự năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Viện kiểm sát nhân dân khu vực 5-TPHCM;
- Phòng Thi hành án dân sự khu vực 5 -TPHCM;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, VT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Huỳnh Linh Phượng